TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khanh;

2. Ông Nguyễn Văn Triều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lý Ngọc Thuý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Chí Nhơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXX-ST, ngày 23/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim L, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm C, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn *(Theo Giấy uỷ quyền ngày 26/11/2024)*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: số A, đường B, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là số A, đường B, phường L, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ A, khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là tổ A, khóm C, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn *(Theo Giấy uỷ quyền ngày 14/4/2025)*: Ông Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là khu V, phường L, thành phố Cần Thơ).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1977 (xin vắng)

Địa chỉ: khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long).

2. Chị Nguyễn Thị Trúc L1, sinh năm 1989 (xin vắng)

Địa chỉ: khóm T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T, phường B, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Kim L có nội dung: Bà L và ông Lê Minh T1 là chỗ quen biết từ trước đến nay, vốn là chỗ thân tình nên khi ông T1 đặt vấn đề hỏi vay tiền để ông ấy đóng tiền học và tiêu xài cá nhân, bà L đã chuyển cụ thể:

+ Ngày 02/04/2023 chuyển 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*

+ Ngày 08/05/2023 chuyển 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)*

+ Ngày 22/6/2023 chuyển 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*

+ Ngày 01/7/2023 chuyển 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)*

+ Ngày 03/07/2023 chuyển 100.000.000đ *(một trăm triệu đồng)*

+ Ngày 04/07/2023 chuyển 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*

+ Ngày 14/07/2023 chuyển 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*

+ Ngày 25/07/2023 chuyển 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)* chuyển vào khoản dùm cho ông T1 - người nhận là Lê Phạm Tường A – STK 107867177114 là con gái ông T1.

+ Ngày 10/8/2023 chuyển 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*

+ Ngày 09/10/2023 chuyển 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng)*

+ Ngày 13/12/2023 chuyển 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*

Tổng số tiền đã chuyển khoản là 745.000.000đ *(bảy trăm bốn mươi năm triệu đồng).* Bà L yêu cầu yêu cầu ông Lê Minh T1 trả lại số tiền vay qua các lần chuyển khoản là 745.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 18/01/2024 đến ngày nộp đơn khởi kiện lãi suất 1%/tháng là 74.500.000đ *(Bảy mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).*

Sau khi hòa giải và đối chiếu các lần chuyển khoản thì nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và lãi đối với ông T1, cụ thể: Yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc 530.000.000đ và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 12/12/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền qua các lần chuyển khoản:

30.000.000đ chuyển vào ngày 02/4/2023, 15.000.000đ chuyển vào ngày 08/5/2023, 50.000.000đ chuyển vào ngày 22/6/2023, 15.000.000đ chuyển vào ngày 01/7/2023, 100.000.000đ chuyển vào ngày 03/7/2023, 50.000.000đ chuyển vào ngày 04/7/2023, 50.000.000đ chuyển vào ngày 14/7/2023, 30.000.000đ chuyển vào ngày 25/7/2023 vào tài khoản của Lê Phạm Tường A là con ông T1, 30.000.000đ chuyển ngày 10/8/2023, 150.000.000đ chuyển ngày 09/10/2023 và 10.000.000đ chuyển ngày 13/12/2023.

- Bị đơn ông Lê Minh T1 có bản khai ý kiến ngày 29/5/2025 trình bày:

Trước đây năm 2012 ông T1 và bà Nguyễn Kim L có quen biết nhau nên ông và bà L có phát sinh tình cảm bạn bè quý mến nhau. Trong suốt thời gian khi quen biết nhau cho đến nay thì ông chưa bao giờ hỏi mượn hoặc vay tiền của bà L. Sau đó khi gia đình ông gặp khó khăn và cùng lúc ông đang đi học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ thì bà L đã tự chủ động hỗ trợ cho tiền để ông đi học và chi phí trong quá trình đi học. Bên cạnh đó ông cũng có khám chữa bệnh cho bà L và người nhà trong gia đình bà L trong suốt thời gian quen nhau, nên bà L cũng có chuyển tiền vào tài khoản của ông khám bệnh và mua thuốc uống cho gia đình. Khi đó bà L tặng tiền cho ông đều gửi qua tài khoản Ngân hàng V.

Nay bà L yêu cầu trả số tiền 745.000.000đ *(bảy trăm bốn mươi triệu đồng)* và tính lãi suất 1%/tháng thì ông Lê Minh T1 không đồng ý. Do bà L tự nguyện chuyển tiền tặng cho ông bằng cách chuyển vào tài khoản của cụ thể:

+ Ngày 02/4/2023 chuyển 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng).*

+ Ngày 08/05/2023 chuyển 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)*.

+ Ngày 22/06/2023 chuyển 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*.

+ Ngày 01/07/2023 chuyển 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)*.

+ Ngày 04/07/2023 chuyển 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*.

+ Ngày 14/07/2023 chuyển 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*.

+ Trong ngày 10/08/2023 bà L có nhờ người chuyển 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng)* và 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*.

+ Ngày 09/10/2023 ông T1 có hỏi mượn bà L 150.000.000đ *(một trăm năm mươi triệu đồng).*

+ Ngày 07/11/2023 chuyển 500.000đ *(năm trăm ngàn đồng)* đây là tiền mua thuốc chứ không phải là tiền vay.

+ Ngày 13/12/2023 chuyển 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*.

Tổng số tiền bà L tự nguyện tặng cho ông T1 là: 400.500.000đ *(bốn trăm triệu, năm trăm ngàn đồng)* tất cả số tiền trên đều là tiền mà bà L đã tặng cho ông cũng như là trả tiền khám chữa bệnh và mua thuốc cho người thân trong gia đình bà L cho nên tất cả các số tiền nêu trên ông T1 không có vay của bà L. Toàn bộ số tiền trên bà L tự nguyện chuyển cho ông cũng do ông và bà L có quan hệ tình cảm với nhau nên bà L tự

nguyện tặng cho chứ không có việc vay hoặc mượn. Ông T1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L vì toàn bộ số tiền trên là do bà L tự nguyện tặng cho ông. Ông T1 thống nhất không yêu cầu đưa con gái ông là chị Lê Phạm Tường A vào tham gia tố tụng ông đồng ý đứng ra trả số tiền 30.000.000đ thay cho con gái ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Trúc L1 có bản khai ý kiến ngày 10/9/2025 thể hiện:

Chị L1 là nhân viên của bà Nguyễn Kim L nên chị thường hay thực hiện các công việc do bà L giao cho, trong đó có việc thực hiện chuyển khoản cho ông Lê Minh T1 là đúng và các lần chuyển khoản đều được thực hiện theo yêu cầu của bà L và đều chuyển từ tài khoản của nguyên đơn, chị chỉ là người thực hiện theo nhiệm vụ được giao. Đây là tài sản của nguyên đơn nên chị hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì lý do bận nhiều việc, hơn nữa không liên quan gì đến chị nên chị L1 đề nghị Tòa ghi nhận lời khai trình bày nêu trên để hoàn thành các thủ tục tố tụng và xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng cấp sơ thẩm.

2. Ông Huỳnh Văn T2 có bản khai ý kiến ngày 10/9/2025 thể hiện:

Ông Huỳnh Văn T2 là chồng bà Nguyễn Kim L, nguyên trước giờ gia đình ông với bị đơn ông Lê Minh T1 vốn có mối quan hệ quen biết nên khi bị đơn hỏi mượn tiền thì ông có chuyển khoản cho bị đơn mượn số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* chuyển khoản vào ngày 09/10/2023 số giao dịch 534050941. Đây là tài sản chung giữa ông với bà Nguyễn Kim L nên ông hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lê Minh T1 phải có nghĩa vụ trả cho gia đình bà L khoản nợ 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng)* trong đó có số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* do ông trực tiếp chuyển khoản và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Vì lý do bận nhiều công việc làm ăn, gia đình, con cái, nên đề nghị Tòa ghi nhận lời khai nêu trên và xin được vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, … và phiên Tòa sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn T2 không yêu cầu tống đạt các văn bản tố tụng cũng như bản án sơ thẩm. Khi nào có nhu cầu nhận văn bản tố tụng ông sẽ tự liên hệ nhận. Cam kết đã hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình khi lập văn bản này và cam đoan chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật đối với các lời khai mình.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu trả số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và rút lại yêu cầu tính lãi suất. Chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Minh T1 trả số tiền 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng)* đã chuyển vào các ngày: Ngày 02/04/2023 là 30.000.000đ, Ngày 08/05/2023 là 15.000.000đ, Ngày 22/6/2023 là 50.000.000đ, ngày 01/7/2023 là 15.000.000đ, Ngày 03/07/2023 là 100.000.000đ; Ngày 04/07/2023 là 50.000.000đ; Ngày 14/07/2023 là 50.000.000đ; Ngày 25/07/2023 là 30.000.000đ (chuyển khoản dùm ông T1 - người nhận Lê Phạm Tường A - STK 107867177114 con gái ông T1). Ngày 10/8/2023 là 30.000.000đ;

Ngày 09/10/2023 là 150.000.000đ và Ngày 13/12/2023 là 10.000.000đ).

- Ông Huỳnh Hoàng N là người đại diện cho bị đơn trình bày: Thừa nhận ông Lê Minh T1 đã nhận tổng số tiền của bà L là 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, ông T1 chỉ đồng ý trả số tiền là 210.000.000đ *(Hai trăm mười triệu đồng)*, trong đó có 30.000.000đ ngày 25/7/2023; 30.000.000đ ngày 10/8/2023 và 150.000.000đ ngày 09/10/2023, các lần chuyển còn lại không đồng ý trả, do bà L tặng cho ông T1. Đối với Vi bằng mà nguyên đơn giao nộp sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử đại diện bị đơn đã xem qua và không có ý kiến. Ông N thống nhất không yêu cầu đưa con gái ông Lê Minh T1 là chị Lê Phạm Tường A vào tham gia tố tụng vì ông T1 đồng ý đứng ra trả số tiền 30.000.000đ thay cho chị Lê Phạm Tường A.

- *Phát biểu của vị Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long tại Tòa:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thấy rằng, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua phân tích, đánh giá chứng cứ, tình tiết nội dung vụ án, ý kiến nguyên đơn, bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim L có người đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Minh T. Buộc ông Lê Minh T1 phải thanh toán số tiền nợ gốc cho bà Nguyễn Kim L với số tiền là 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng).*

Đình chỉ giải quyết đối với số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi mà nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.200.000đ *(Hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng)*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Huỳnh Văn T2, chị Nguyễn Thị Trúc L1 có ý kiến xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[3] Xét thấy:

- Nguyên đơn Nguyễn Kim L xin rút lại yêu cầu trả số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và rút lại yêu cầu tính lãi suất. Chỉ yêu cầu bị đơn ông Lê Minh T1 trả số tiền 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng)* đã chuyển cụ thể: ngày 02/04/2023 chuyển 30.000.000đ, ngày 08/05/2023 chuyển 15.000.000đ, ngày 22/6/2023 chuyển 50.000.000đ, ngày 01/7/2023 chuyển 15.000.000đ, ngày 03/07/2023 chuyển 100.000.000đ; ngày 04/07/2023 chuyển 50.000.000đ; ngày 14/07/2023 chuyển 50.000.000đ; ngày 25/07/2023 chuyển 30.000.000đ *(chuyển khoản cho Lê Phạm Tường A con gái ông T1)*, ngày 10/8/2023 chuyển 30.000.000đ; ngày 09/10/2023 chuyển 150.000.000đ, ngày 13/12/2023 chuyển 10.000.000đ.

- Các ủy nhiệm chi của Ngân hàng S thể hiện: Ngày 22/6/2023 bà L chuyển tiền cho ông Lê Minh T1 50.000.000đ, ngày 01/7/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 15.000.000đ, ngày 03/7/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 100.000.000đ, ngày 04/7/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 50.000.000đ, ngày 14/7/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 50.000.000đ, ngày 25/7/2023 bà L chuyển cho con gái ông Lê Minh T1 30.000.000đ, ngày 10/8/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 10.000.000đ, ngày 10/8/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 20.000.000đ, ngày 09/10/2023 bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 150.000.000đ, và sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 13/12/2023 thể hiện bà L chuyển cho ông Lê Minh T1 10.000.000đ *(bút lục 11 - 21).*

- Đối với số tiền 30.000.000đ chuyển ngày 02/4/2023 và số tiền 15.000.000đ chuyển ngày 08/5/2023 nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc chuyển tiền; Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ bị đơn ông Lê Minh T1 cung cấp là bảng sao kê tài khoản của ông T1 tại Ngân hàng V từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 (bút lục 44) có thể hiện ông T1 nhận 02 lần chuyển tiền 45.000.000đ phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại phiên Tòa, người đại diện cho bà Nguyễn Kim L xin rút lại yêu cầu trả số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và rút lại toàn bộ yêu cầu tính lãi với lý do: Các lần chuyển tiền thể hiện trạng thái không thành công, chưa vào tài khoản bị đơn. Xét thấy, đây là tình tiết có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Minh T1 đã thừa nhận có nhận tiền do bà L chuyển khoản và cung cấp sao kê tài khoản của ông Lê Minh T1 tại Ngân hàng V *(bút lục 37-46)* trùng khớp với số tiền nguyên đơn yêu cầu. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng số tiền nêu trên là tiền do bà L tặng cho ông nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà L tặng cho ông số tiền nói trên. Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu phản bác ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng ông T1 không thực hiện được nên không có căn cứ xác định số tiền bà L chuyển khoản nhiều lần cho ông T1 là tiền tặng cho. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông T1 thừa nhận có mượn tiền của chồng bà L (là ông Huỳnh Văn T2 đã giao cho bà L định đoạt số tiền này) bị đơn đồng ý trả lại số tiền 210.000.000đ *(Hai trăm mười triệu đồng)* trong đó có số tiền mượn của chồng bà L là 150.000.000đ

(Một trăm năm mươi triệu đồng) và 30.000.000đ chuyển ngày 25/7/2023 cho con gái ông T2 và 30.000.000đ chuyển cho ông T2 vào ngày 10/8/2023 là phù hợp với tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Đối với Vi bằng số 05/2026/VB-TPL ngày 22/01/2026 của Văn phòng T3 do nguyên đơn yêu cầu thực hiện ghi nhận hành vi, sự kiện "*Ghi nhận tin nhắn trên chiếc điện thoại Iphone 15 Plus là cuộc hội thoại giữa ông Lê Minh T1 và bà Nguyễn Kim L trên nền tảng mạng xã hội Zalo"* có nội dung: Ông T1 thừa nhận có hỏi mượn tiền của bà L và chưa thực hiện việc trả nợ và đồng ý trả nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Từ đó cho thấy giữa bà L và ông Lê Minh T1 có phát sinh việc giao nhận tiền trên thực tế.

Từ phân tích trên, đối chiếu theo quy định tại Điều 463 và Điều 465 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim L là có căn cứ chấp nhận.

Buộc ông Lê Minh T1 trả cho bà Nguyễn Kim L số tiền vay đã nhận qua các lần chuyển khoản cụ thể: ngày 02/04/2023 chuyển 30.000.000đ, ngày 08/05/2023 chuyển 15.000.000đ, ngày 22/6/2023 chuyển 50.000.000đ, ngày 01/7/2023 chuyển 15.000.000đ, ngày 03/07/2023 chuyển 100.000.000đ; ngày 04/07/2023 chuyển 50.000.000đ; ngày 14/07/2023 chuyển 50.000.000đ; ngày 25/07/2023 chuyển 30.000.000đ (chuyển khoản cho Lê Phạm Tường A con gái ông T1), ngày 10/8/2023 chuyển 30.000.000đ; ngày 09/10/2023 chuyển 150.000.000đ, ngày 13/12/2023 chuyển 10.000.000đ. Tổng số tiền là: 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng).*

Đình chỉ yêu cầu trả số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Kim L đối với ông Lê Minh T1.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim L.

- Buộc ông Lê Minh T1 trả cho bà Nguyễn Kim L số tiền vay đã nhận qua các

lần chuyển khoản cụ thể: ngày 02/04/2023 chuyển 30.000.000đ, ngày 08/05/2023 chuyển 15.000.000đ, ngày 22/6/2023 chuyển 50.000.000đ, ngày 01/7/2023 chuyển 15.000.000đ, ngày 03/07/2023 chuyển 100.000.000đ; ngày 04/07/2023 chuyển 50.000.000đ; ngày 14/07/2023 chuyển 50.000.000đ; ngày 25/07/2023 chuyển 30.000.000đ (chuyển khoản cho Lê Phạm Tường A con gái ông T1), ngày 10/8/2023 chuyển 30.000.000đ; ngày 09/10/2023 chuyển 150.000.000đ, ngày 13/12/2023 chuyển 10.000.000đ. Tổng số tiền là: 530.000.000đ *(Năm trăm ba mươi triệu đồng).*

Đình chỉ yêu cầu trả số tiền 215.000.000đ *(Hai trăm mười lăm triệu đồng)* và yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Kim L đối với ông Lê Minh T1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Lê Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 25.200.000đ *(Hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng)*.

- Bà Nguyễn Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Kim L số tiền 18.293.000đ *(Mười tám triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013069 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Viện KSND khu vực 3 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 3 - Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Thiết